

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K4 NĂM 2014

Tháng 10 năm 2014

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	8	447	461	14	12.650	177.100	
102	8	481	494	13	12.650	164.450	
103	8	262	271	9	12.650	113.850	
104	8	382	394	12	12.650	151.800	
105	8	405	410	5	12.650	63.250	
106	8	382	399	17	12.650	215.050	
107	PSHC					0	
108						0	
109	8	389	403	14	12.650	177.100	
110	8	338	356	18	12.650	227.700	
111	8	566	585	19	12.650	240.350	
112	8	398	408	10	12.650	126.500	
113	8	413	430	17	12.650	215.050	
114	8	310	328	18	12.650	227.700	
201	8	405	417	12	12.650	151.800	
202	8	519	537	18	12.650	227.700	
203	8	510	529	19	12.650	240.350	
204	8	770	781	11	12.650	139.150	
205	8	461	470	9	12.650	113.850	
206	8	513	527	14	12.650	177.100	
207	8	423	447	24	12.650	303.600	
208	8	590	602	12	12.650	151.800	
209	8	577	591	14	12.650	177.100	
210	1Campuchia	924	954	30	12.650	379.500	
211	8	479	498	19	12.650	240.350	
212	1Campuchia	499	509	10	12.650	126.500	
213	8	552	571	19	12.650	240.350	
214	1Campuchia	917	939	22	12.650	278.300	
301	0	454			12.650	0	
302	8	574	587	13	12.650	164.450	
303	8	543	555	12	12.650	151.800	
304	8	441	450	9	12.650	113.850	
305	8	374	401	27	12.650	341.550	
306	8	457	470	13	12.650	164.450	
307	PSHC				12.650	0	
308					12.650	0	
309	8	491	508	17	12.650	215.050	
310	8	406	428	22	12.650	278.300	

311	8	433	452	19	12.650	240.350	
312	8	548	560	12	12.650	151.800	
313	8	568	590	22	12.650	278.300	
314	8	503	539	36	12.650	455.400	
401	8	384	401	17	12.650	215.050	
402	8	288	299	11	12.650	139.150	
403	8	440	454	14	12.650	177.100	
404	8	391	405	14	12.650	177.100	
405	8	393	411	18	12.650	227.700	
406	8	421	439	18	12.650	227.700	
407	8	355	367	12	12.650	151.800	
408	8	289	298	9	12.650	113.850	
409	8	433	453	20	12.650	253.000	
410	8	512	536	24	12.650	303.600	
411	8	482	502	20	12.650	253.000	
412	8	394	411	17	12.650	215.050	
413	8	421	438	17	12.650	215.050	
414	8	421	436	15	12.650	189.750	
501	7	269	277	8	12.650	101.200	
502	8	355	368	13	12.650	164.450	
503	8	319	332	13	12.650	164.450	
504	8	290	304	14	12.650	177.100	
505	8	280	286	6	12.650	75.900	
506	8	236	246	10	12.650	126.500	
507	8	292	296	4	12.650	50.600	
508	8	466	472	6	12.650	75.900	
509	8	219	237	18	12.650	227.700	
510	8	398	404	6	12.650	75.900	
511	8	232	243	11	12.650	139.150	
512	8	262	277	15	12.650	189.750	
513	8	252	261	9	12.650	113.850	
514	8	177	205	28	12.650	354.200	
Cộng	498			988		12.498.200	

(Bằng chữ: Mười hai triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn hai trăm đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà